| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ MINH HOÀ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 20/QĐ-UBND | *Minh Hoà, ngày 04 tháng 8 năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH HÒA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền dịa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính "Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với cấp ngân sách";*

*Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính "Quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn";*

*Căn cứ Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND Thị xã Kinh Môn " Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và giao kế hoạch đầu tư công năm 2023";*

*Căn cứ Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 05/01/2023 của Hội đồng nhân dân xã Minh Hòa về việc phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách xã Minh Hòa năm 2023;*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1**:

Công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2022.

(Theo các biểu mẫu đính kèm)

**Điều 2**:

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3**:

Văn phòng UBND xã, Ban tài chính xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Công khai tại Trụ sở UBND xã;
- Lưu.

**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ MINH HÒA T.X KINH MÔN HẢI DƯƠNG

**Nguyễn Văn Ngọc**

**UBND XÃ MINH HÒA**

Biểu số 116/CK TC-NSNN

# CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

**(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**

*Đơn vị: đồng*

| NỘI DUNG | QUYẾT TOÁN | NỘI DUNG CHI | QUYẾT TOÁN |
|---|---|---|---|
| **TỔNG SỐ THU** | **14.465.961.586** | **TỔNG SỐ CHI** | **14.465.961.586** |
| I. Các khoản thu xã hưởng 100% | 219.504.000 | I. Chi đầu tư phát triển | 4.740.523.000 |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ | 409.610.643 | II. Chi thường xuyên | 5.583.220.789 |
| III. Thu bổ sung | 7.937.681.000 | III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có) | 533.440.797 |
| - Bổ sung cân đối | 2.827.623.000 | IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên | 3.608.777.000 |
| - Bổ sung có mục tiêu | 5.110.058.000 | | |
| IV. Thu kết dư ngân sách năm trước | | | |
| V. Thu tiền sử dụng đất | | | |
| VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có) | 5.899.165.943 | | |
| **Kết dư ngân sách** | | | |

*Minh Hòa, ngày 04 tháng 8 năm 2023*

**Người lập biểu**

Trần Thị Thu Hằng

**Chủ tịch UBND xã**

**Nguyễn Văn Ngọc**

UBND XÃ MINH HÒA

Biểu số 117/CK TC-NSNN

# QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

**(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**

Đơn vị: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | QUYẾT TOÁN | | SO SÁNH (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/1 | 6=4/2 |
| | **TỔNG THU** | | **4.315.971** | | **14.465.962** | **-** | **335,17** |
| **I** | **Các khoản thu 100%** | | **90.000** | | **219.504** | **-** | **243,89** |
| | Phí, lệ phí | | | | 25.035 | | |
| | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | | 90.000 | | 130.530 | | 145,03 |
| | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | | | | | | |
| | Thu phạt, tịch thu khác theo quy định | | | | | | |
| | Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định | | | | | | |
| | Đóng góp của nhân dân theo quy định | | | | | | |
| | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân | | | | | | |
| | Thu khác | | | | 63.939 | | |
| **II** | **Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)** | | **120.600** | | **409.611** | **-** | **339,64** |
| 1 | Các khoản thu phân chia | | 120.600 | | 406.386 | - | 336,97 |
| | - Thuế thu nhập cá nhân | | 3.200 | | 23.215 | | 725,5 |
| | - Thuế giá trị gia tăng | | 6.400 | | 45.850 | | 716,41 |
| | - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | | | | 13.328 | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Thuế chuyển quyền mục đích sử dụng đất | | | | 223.100 | | |
| | - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | | 11.000 | | 12.350 | | 112,27 |
| | - Lệ phí trước bạ nhà, đất | | 100.000 | | 88.543 | | 88,54 |
| 2 | Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định | | | | 3.225 | | |
| **III** | **Thu tiền sử dụng đất** | | | | | | |
| **IV** | **Thu chuyển nguồn** | | | | **5.899.166** | | |
| **V** | **Thu kết dư ngân sách năm trước** | | | | | | |
| **VI** | **Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên** | | **4.105.371** | | **7.937.681** | | **193,35** |
| | - Thu bổ sung cân đối | | 2.827.623 | | 2.827.623 | | 100,00 |
| | - Thu bổ sung có mục tiêu | | 1.277.748 | | 5.110.058 | | 399,9 |

*Minh Hòa, ngày 04 tháng 8 năm 2023*

**Người lập biểu**

Trần Thị Thu Hằng

**Chủ tịch UBND xã**

U.B.N.D XÃ MINH HÒA T.X KINH MÔN T.HẢI DƯƠNG

**Nguyễn Văn Ngọc**

**UBND XÃ MINH HÒA**

Biểu số 118/CK TC-NSNN

# QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
## (Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | | QUYẾT TOÁN | | | SO SÁNH % | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN | TỔNG SỐ | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4/1 | 8=5/2 | 9=6/3 |
| | **TỔNG CHI** | **4.315.971** | **-** | **4.315.971** | **14.465.962** | **8.349.300** | **6.116.662** | **335** | | **142** |
| | Trong đó | | | | | | | | | |
| 1 | Chi giáo dục | 20.722 | | 20.722 | 2.880 | | 2.880 | | | |
| 2 | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ | - | | | | | | | | |
| 3 | Chi y tế | 20.722 | | 20.722 | 6.720 | | 6.720 | | | |
| 4 | Chi văn hóa, thông tin | 67.345 | | 67.345 | 63.227 | | 63.227 | 94 | | 94 |
| 5 | Chi phát thanh, truyền thanh | 30.219 | | 30.219 | | | 27.893 | | | |
| 6 | Chi thể dục thể thao | - | | | - | | | | | |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | 33.673 | | 33.673 | 65.750 | | 65.750 | 195 | | 195 |
| 8 | Chi các hoạt động kinh tế | 52.002 | | 52.002 | 2.947.091 | 2.899.300 | 47.791 | 5.667 | | 92 |
| 9 | Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 3.726.728 | | 3.726.728 | 5.893.830 | 1.841.223 | 4.052.607 | 158 | | 109 |
| 10 | Chi cho công tác xã hội | 215.560 | | 215.560 | 1.316.353 | | 1.316.353 | 611 | | 611 |
| 11 | Chi khác (tiết kiệm 10% chi lương) | 65.000 | | 65.000 | - | | | | | |
| 12 | Dự phòng | 84.000 | | 84.000 | - | | | | | |
| 13 | Chi nộp trả ngân sách cấp trên | | | | 3.608.777 | 3.608.777 | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau | | | | 533.441 | | 533.441 | | | |

*Minh Hòa, ngày 04 tháng 8 năm 2021*

**Người lập biểu**

Trần Thị Thu Hằng

**Chủ tịch UBND xã**

UBND XÃ MINH HÒA T.X KINH MÔN T.HẢI DƯƠNG

**Nguyễn Văn Ngọc**

**UBND XÃ MINH HÒA**

Biểu số 119/CK TC-NSNN

# QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022
**(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**

Đơn vị: 1000 đồng

| Tên công trình | Thời gian khởi công - hoàn thành | Tổng dự toán được duyệt | | Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/ 2022 | Giá trị đã thanh toán năm 2022 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng số | Trong đó thanh toán khối lượng năm trước | Chia theo nguồn vốn | |
| | | Tổng số | Trong đó nguồn đóng góp | | | | Nguồn cân đối ngân sách | Nguồn đóng góp |
| **TỔNG SỐ** | | **17.371.386** | **-** | **7.385.541** | **4.740.523** | **4.740.523** | | |
| **1. Công trình chuyển tiếp** | | **17.371.386** | **-** | **7.385.541** | **4.740.523** | **4.740.523** | | |
| Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Tư Đa xã Minh Hòa (Đoạn từ nhà ông Vui đến nhà ông Khuê, đoạn nhánh nhà thờ) | 2021 | 4.214.799 | | | 200.000 | 200.000 | | |
| Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục xã Minh Hòa (Đoạn từ nhà ông Tài đến nhà ông Nhất) | 2021 - 2022 | 6.193.072 | | 5.544.318 | 2.699.300 | 2.699.300 | | |
| Trụ sở làm việc Công an xã Minh Hòa | 2022 - 2023 | 6.963.515 | | 1.841.223 | 1.841.223 | 1.841.223 | | |
| **2. Công trình khởi công mới** | | - | | | - | - | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

*Minh Hòa, ngày 04 tháng 8 năm 2023*

**Người lập biểu**

Trần Thị Thu Hằng

**Chủ tịch UBND xã**

**Nguyễn Văn Ngọc**

**UBND XÃ MINH HÒA** Biểu số 120/CK TC-NSNN

# THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

**(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**

Đơn vị: 1000 đồng

| NỘI DUNG | KẾ HOẠCH | | | THỰC HIỆN | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | THU | CHI | CHÊNH LỆCH (+) (-) | THU | CHI | CHÊNH LỆCH (+) (-) |
| **TỔNG SỐ** | **75.355** | **43.285** | **32.070** | **57.855** | **27.985** | **29.870** |
| **1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách** | **32.070** | | **32.070** | **29.870** | | **29.870** |
| - Quỹ phòng chống lụt bão | 32.070 | | 32.070 | 29.870 | | 29.870 |
| - Quỹ đền ơn đáp nghĩa | 95.681 | 60.000 | 35.681 | 95.681 | 50.551 | 45.130 |
| **2. Các hoạt động sự nghiệp** | **43.285** | **43.285** | **0** | **27.985** | **27.985** | |
| + Chợ | 6.985 | | | 6.985 | | |
| + Bến bãi | | | | | | |
| + Đò | 36.300 | | | 21.000 | | |
| + Sự nghiệp kinh tế | | 43.285 | | | 27.985 | |
| | | | | | | |

*Minh Hòa, ngày 04 tháng 8 năm 2023*

**Người lập biểu** **Chủ tịch UBND xã**

Trần Thị Thu Hằng

**Nguyễn Văn Ngọc**